

Số: TB-TQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc xét hồ sơ miễn, giảm học phí Học kỳ I, năm học 2026 - 2027
(Dành cho sinh viên các khóa đang theo học và tân sinh viên khóa QH.2026 nhập học năm học 2026 - 2027 của Trường Quốc tế)

Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ xét miễn, giảm học phí Học kỳ I, năm học 2026 - 2027 đối với sinh viên các khóa đang theo học và tân sinh viên khóa QH.2026, với nội dung cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN

1. Đối tượng

Sinh viên các khóa đang theo học và tân sinh viên trúng tuyển, làm thủ tục nhập học chương trình đào tạo văn bằng thứ nhất, hệ đào tạo chính quy khóa QH.2026 (năm học 2026 - 2027) tại Trường Quốc tế, ĐHQGHN.

2. Tiêu chuẩn

Theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (gọi tắt là Nghị định 238).

II. PHẠM VI ÁP DỤNG VÀ NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

- Chính sách miễn, giảm học phí áp dụng đối với sinh viên học chương trình đào tạo văn bằng thứ nhất, hệ đào tạo chính quy tại Trường Quốc tế;

- Việc xét miễn, giảm học phí được tiến hành theo từng học kỳ và theo tình trạng học tập của sinh viên. Không áp dụng chế độ miễn, giảm học phí trong thời gian người học bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, bảo lưu, học lại, học cải thiện điểm, học bổ sung. Trường hợp người học phải dừng học, học lại, bảo lưu không quá một lần do ốm đau, tai nạn hoặc lý do bất khả kháng, không do kỷ luật hoặc tự thôi học, Nhà trường sẽ xem xét việc tiếp tục hưởng chính sách theo quy định. Đối với sinh viên tham gia chương trình trao đổi theo quyết định cử đi của Trường Quốc tế hoặc ĐHQGHN, việc miễn, giảm học phí trong thời gian trao đổi và sau khi trở lại học tập được xem xét căn cứ tình trạng học tập, việc đăng ký và công nhận học phần, nghĩa vụ học phí thực tế của sinh viên và quy định hiện hành.

- Tân sinh viên khóa QH.2026 nộp đầy đủ hồ sơ lần đầu để Nhà trường xem xét. Đối với sinh viên các khóa đang theo học đã có tên trong quyết định miễn, giảm học phí của Nhà trường: nhóm đối tượng ổn định (xét hồ sơ 01 lần, duy trì tự động hàng kỳ) không phải nộp lại hồ sơ; nhóm đối tượng có thời hạn phải nộp hồ sơ, minh chứng còn hiệu lực để được xét lại trong học kỳ I, năm học 2026 - 2027;

- Sinh viên hoàn tất hồ sơ xét miễn, giảm học phí ở học kỳ nào thì được xem xét hưởng miễn, giảm học phí kể từ học kỳ đó; trường hợp thuộc đồng thời nhiều chính sách hỗ trợ thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất;

- Sinh viên có trách nhiệm cung cấp hồ sơ đầy đủ, chính xác và thông báo kịp thời cho Nhà trường khi có thay đổi về điều kiện hưởng chính sách.

III. MỨC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỒ SƠ PHẢI NỘP

Học phí miễn, giảm được thực hiện theo Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP và quy định tài chính hiện hành.

Hồ sơ, mức miễn/giảm và thời hạn xét hưởng cụ thể theo từng nhóm đối tượng như sau:

Ghi chú: Đối với các giấy tờ chứng minh đối tượng miễn, giảm học phí, sinh viên nộp theo một trong các hình thức: bản sao chứng thực; bản sao kèm bản chính để Nhà trường đối chiếu; hoặc bản sao từ sổ gốc. Trường hợp Nhà trường khai thác được đầy đủ thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì sinh viên không phải nộp lại giấy tờ tương ứng.

TT	Đối tượng	Mức miễn/giảm	Hồ sơ cần chuẩn bị	Thời hạn xét hưởng
1	Người có công với cách mạng và con của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.	Miễn 100%	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí theo mẫu; - Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công theo quy định; - Giấy tờ chứng minh quan hệ giữa sinh viên với người có công, trường hợp thông tin này chưa được thể hiện trong giấy xác nhận hoặc chưa khai thác được từ cơ sở dữ liệu có liên quan.	Xét 01 lần, hưởng cả khóa học tính từ thời điểm được xét.
2	Sinh viên khuyết tật.	Miễn 100%	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí theo mẫu; - Giấy xác nhận khuyết tật.	Xét 01 lần, hưởng cả khóa học tính từ thời điểm được xét.
3	Người học từ đủ 16 tuổi đến 22 tuổi, đang học chương trình đào tạo trình độ đại học văn bằng thứ nhất và thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ. (chi tiết xem Ghi chú (*) dưới bảng).	Miễn 100%	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí theo mẫu; - Quyết định về việc hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng hoặc Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp.	Xét 01 lần cho cả thời gian học tập kể từ thời điểm được xét hưởng. Trường hợp có thay đổi về điều kiện hưởng trợ cấp xã hội, sinh viên phải thông báo cho Nhà trường để xem xét, điều chỉnh theo quy định.
4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.	Miễn 100%	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí theo mẫu; - Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo năm 2026 do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp; - Giấy tờ chứng minh quan hệ giữa sinh viên với thành viên hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, trường hợp thông tin này chưa có trong giấy xác nhận hoặc chưa khai thác được từ cơ sở dữ liệu có liên quan.	Xét theo từng học kỳ; đầu mỗi học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo/cận nghèo năm hiện hành.

TT	Đối tượng	Mức miễn/giảm	Hồ sơ cần chuẩn bị	Thời hạn xét hưởng
5	Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người (La Ha, La Hủ, Pà Thẻn, Chứt, Lự, Ngái, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pú Páo, Brâu, Rơ Măm, Ô Đu) có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.	Miễn 100%	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí theo mẫu; - Giấy tờ thể hiện thông tin dân tộc của sinh viên; - Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc giấy tờ hợp pháp khác chứng minh nơi thường trú của sinh viên; - Giấy tờ hoặc thông tin xác nhận nơi thường trú của sinh viên thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	Xét 01 lần, hưởng các kỳ học đến khi có quy định mới.
6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số, ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người, mà bản thân và cha hoặc mẹ có nơi thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoặc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	Giảm 70%	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí theo mẫu; - Giấy tờ thể hiện thông tin dân tộc của sinh viên; - Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc giấy tờ hợp pháp khác chứng minh nơi thường trú của sinh viên và cha hoặc mẹ; - Giấy tờ hoặc thông tin xác nhận nơi thường trú nêu trên thuộc thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoặc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định.	Xét 01 lần, hưởng các kỳ học đến khi có quy định mới.
7	Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	Giảm 50%	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí theo mẫu; - Quyết định hưởng trợ cấp hằng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do cơ quan bảo hiểm xã hội cấp; - Giấy tờ chứng minh quan hệ giữa sinh viên với người được hưởng trợ cấp, trường hợp thông tin này chưa được thể hiện trong quyết định hoặc chưa khai thác được từ cơ sở dữ liệu có liên quan.	Xét 01 lần, hưởng cả khóa học tính từ thời điểm được xét.

(*) Chi tiết nhóm đối tượng tại mục 3: Sinh viên từ đủ 16 tuổi đến 22 tuổi, đang học chương trình đào tạo trình độ đại học văn bằng thứ nhất, thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, gồm các trường hợp sau:

1. Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
2. Mồ côi cả cha và mẹ;
3. Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;
4. Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

5. *Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

6. *Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;*

7. *Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;*

8. *Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

9. *Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;*

10. *Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

11. *Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.*

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành phần hồ sơ và đối tượng phải nộp

a) Tân sinh viên khóa QH.2026: chuẩn bị 01 (một) bộ hồ sơ mới, gồm Đơn đề nghị miễn, giảm học phí theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP và toàn bộ giấy tờ chứng minh tương ứng với nhóm đối tượng nêu tại Mục III của Thông báo này.

b) Sinh viên các khóa đang theo học (từ Khóa QH.2025 trở về trước): sinh viên thuộc nhóm đối tượng ổn định đã được Nhà trường phê duyệt theo ***Quyết định số 602/QĐ-TQT ngày 03/4/2026*** và các quyết định miễn, giảm học phí trước đó, theo hình thức xét hồ sơ 01 lần, duy trì tự động hàng kỳ, không phải nộp lại hồ sơ. Sinh viên thuộc nhóm đối tượng có thời hạn nộp hồ sơ, minh chứng còn hiệu lực của học kỳ I, năm học 2026 - 2027 để Nhà trường xét lại theo quy định.

c) Sinh viên các khóa đang theo học mới phát sinh thuộc diện miễn, giảm học phí nhưng chưa từng nộp hồ sơ tại Trường Quốc tế: chuẩn bị 01 (một) bộ hồ sơ đầy đủ như đối với hồ sơ nộp lần đầu, theo nhóm đối tượng tương ứng tại Mục III của Thông báo này.

2. Thời hạn nộp hồ sơ

a) Đối với sinh viên các khóa đang theo học thuộc nhóm đối tượng có thời hạn hoặc mới phát sinh: nộp hồ sơ chậm nhất **ngày 11/9/2026** để được xét hưởng từ học kỳ I, năm học 2026 - 2027. Hồ sơ nộp sau thời hạn trên được xem xét hưởng chính sách kể từ thời điểm Nhà trường tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

b) Đối với tân sinh viên khóa QH.2026: theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, thời hạn nộp hồ sơ tối đa là 45 ngày làm việc kể từ ngày nhập học. Nhà trường khuyến nghị tân sinh viên nộp hồ sơ **trước ngày 11/9/2026** để được xét hưởng ngay từ học kỳ I và tránh chậm trễ trong quá trình xử lý. Hồ sơ nộp trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhập học vẫn được xem xét hưởng chính sách theo quy định; hồ sơ nộp sau thời hạn 45 ngày làm việc được xem xét hưởng kể từ thời điểm Nhà trường tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

3. Hình thức và địa điểm nộp hồ sơ

Tân sinh viên thực hiện kê khai, nộp hồ sơ trực tuyến theo Hướng dẫn nhập học dành cho tân sinh viên QH.2026 của Trường Quốc tế, đồng thời nộp hồ sơ bản giấy theo quy định. Tân sinh viên có thể nộp hồ sơ bản giấy ngay trong ngày làm thủ tục nhập học hoặc ngày thu hồ sơ bổ sung tại địa điểm theo hướng dẫn của Trường. Trường hợp nộp sau ngày nhập học, nộp tại Phòng 103, tầng 1, Tòa nhà AMDI, số 1 Phan Tây Nhạc, phường Xuân Phương, Hà Nội.

Hồ sơ bổ sung của sinh viên các khóa đang theo học được nộp trực tiếp tại địa chỉ nêu trên.

4. Một số lưu ý

- Sinh viên thuộc nhóm đối tượng ổn định được tự động duy trì chế độ theo quyết định đã ban hành, với điều kiện vẫn đáp ứng quy định về phạm vi, thời gian hưởng và tình trạng học tập; không yêu cầu nộp lại hồ sơ trong đợt này;

- Sinh viên thuộc nhóm đối tượng có thời hạn (bao gồm diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và các trường hợp giấy tờ xác nhận có thời hạn) phải nộp bổ sung giấy tờ còn hiệu lực để làm căn cứ xét hưởng trong học kỳ I, năm học 2026 - 2027;

- Trường hợp sinh viên có thay đổi về đối tượng hoặc điều kiện hưởng chính sách (ví dụ: thoát nghèo, hết thời hạn trợ cấp...), sinh viên có trách nhiệm thông báo cho Nhà trường bằng văn bản trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định thay đổi;

- Trường hợp sinh viên không theo học liên tục hoặc tham gia chương trình trao đổi, việc tiếp tục hưởng chính sách được xem xét căn cứ tình trạng học tập, nghĩa vụ học phí thực tế và quy định hiện hành;

- Sinh viên chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ. Trường hợp phát hiện gian lận, sinh viên phải hoàn trả toàn bộ số tiền đã được miễn, giảm và bị xử lý theo quy định.

5. Quy trình xét duyệt

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ, Phòng Đào tạo tập hợp, kiểm tra hồ sơ và trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách sinh viên được miễn, giảm học phí theo quy định.

Mọi thắc mắc, sinh viên liên hệ số điện thoại 0862966068, email: studentsinfor@vnuis.edu.vn.

Trường Quốc tế thông báo tới sinh viên được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Sinh viên (để thực hiện);
- Lưu: VT, TC&QT; ĐT, HN(1).

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Đức Quỳnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Học kỳ I, năm học 2026 - 2027

(Theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP)

Kính gửi: Ban Giám hiệu Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

Họ và tên (chữ in hoa):

Ngày tháng năm sinh: Nơi sinh:

Lớp/khóa: (tân sinh viên ghi khóa QH.2026 và số báo danh/mã hồ sơ nhập học nếu chưa có mã sinh viên)

Mã sinh viên:

Số điện thoại: Email:

I. Nhóm đối tượng

☐ Miễn học phí ☐ Giảm 70% học phí ☐ Giảm 50% học phí

II. Đối tượng cụ thể (ghi rõ theo Mục III của Thông báo)

.....
.....

III. Các giấy tờ nộp kèm đơn này

1.
2.
3.
4.
5.

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này kính mong Trường Quốc tế xem xét miễn, giảm học phí cho tôi theo quy định hiện hành.

Tôi xin cam đoan tất cả thông tin khai ở trên là đúng sự thật và hồ sơ nộp kèm là chính xác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc đối tượng chính sách
đợt xét Học kỳ II năm học 2025 – 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG QUỐC TẾ

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quy chế công tác sinh viên tại ĐHQGHN ban hành theo Quyết định số 32/QĐ-CTHSSV ngày 05 tháng 01 năm 2017 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 3868/QĐ-ĐHQGHN ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc ĐHQGHN về việc thành lập Trường Quốc tế;

Căn cứ Quyết định 208/QĐ-ĐHQGHN ngày 13/01/2025 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc sáp nhập Khoa Quốc tế Pháp ngữ trực thuộc ĐHQGHN về trực thuộc Trường Quốc tế, ĐHQGHN;

Căn cứ Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Quốc tế được ban hành theo Quyết định số 1958/QĐ-ĐHQGHN ngày 23 tháng 04 năm 2025 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Quy định về chính sách học bổng tại Trường Quốc tế ban hành theo Quyết định số 792/QĐ-TQT ngày 9 tháng 8 năm 2022;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng và Kỷ luật sinh viên của Trường Quốc tế tại kỳ họp ngày 24 tháng 3 năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo và Trưởng phòng Tổ chức và Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 51 sinh viên là đối tượng được miễn, giảm học phí tại Phụ lục đính kèm (trong đó 48 sinh viên thuộc đối tượng cố định xét hồ sơ 01 lần tự động duy trì hàng kỳ và 03 sinh viên thuộc đối tượng có thời hạn xét duyệt hồ sơ bổ sung hàng kỳ) theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Chế độ miễn, giảm học phí được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP và các quy định hiện hành của Trường Quốc tế. Thời gian hưởng không quá thời gian thiết kế của chương trình đào tạo chuẩn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Tổ chức và Quản trị, Trưởng các Phòng chức năng, Trưởng các Khoa trực thuộc và các sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Phụ trách Trường (để báo cáo);
- Lưu: VT, TC&QT, ĐT, TT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Quang Thuận

Phụ lục
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
ĐỢT XÉT HỌC KÌ II NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 602 /QĐ-TQT ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Ngành	Ngành theo ND 238/2025/ND-CP	Đối tượng miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Số kỳ đã được hưởng chế độ
I. Đối tượng ổn định (xét hồ sơ 01 lần, duy trì tự động hàng kỳ)								
1	Nguyễn Thị Khánh Ly	18/09/2005	23070412	Kinh doanh quốc tế	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	2
2	Nguyễn Thị Thu Trà	31/08/2004	22070564	Kinh doanh quốc tế	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	2
3	Mai Tùng Dương	29/10/2004	22070089	Tự động hóa và Tin học	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	2
4	Nguyễn Hữu Khánh Toàn	27/11/2006	24073013	Kế toán - Tài chính	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	2
5	Trần Thị Tú Anh	12/08/2003	22073086	Kế toán - Tài chính	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	2
6	Đặng Thế Ngọc	26/01/2005	23070421	Công nghệ thông tin ứng dụng	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	2

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Ngành	Ngành theo NĐ 238/2025/NĐ-CP	Đối tượng miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Số kỳ đã được hưởng chế độ
					thông tin, Công nghệ kỹ thuật...			
7	Nguyễn Hữu Thắng	03/01/2005	23071270	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	2
8	Nguyễn Thùy Chi	02/10/2006	24071160	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Khuyết tật	100%	2
9	Đàm Trung Kiên	14/06/2006	24070558	Hệ thống thông tin quản lý	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Khuyết tật	100%	2
10	Lý Thị Uyên	12/06/2006	24070267	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng theo khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP	100%	2
11	Tô Đàm Quân	06/03/2001	21073096	Quản lý (Liên kết)	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	1
12	Vũ Tuấn Minh	02/12/2005	23071003	Kinh doanh quốc tế	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	1
13	Vũ Ngọc Anh Thu	19/03/2003	21070473	Quản lý (Song bằng)	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Ngành	Ngành theo NĐ 238/2025/NĐ-CP	Đối tượng miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Số kỳ đã được hưởng chế độ
14	Thân Đức Tiến	04/07/2007	25070210	Tự động hóa và Tin học	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	1
15	Lương Trang Hà	26/09/2007	25070418	Hệ thống thông tin quản lý	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	1
16	Uông Thị Thúy Quỳnh	23/08/2007	25071231	Hệ thống thông tin quản lý	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	1
17	Đào Thị Minh	30/05/2007	25070707	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	1
18	Nguyễn Thị Mai Hiên	14/11/2007	25070134	Marketing (Song bằng)	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Thân nhân người có công với cách mạng	100%	1
19	Ngô Duy Đạt	14/12/2007	25070112	Kinh doanh quốc tế	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Khuyết tật	100%	1
20	Vương Duy Trường Giang	06/03/2007	25070615	Tin học và Kỹ thuật máy tính	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng theo khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP	100%	1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Ngành	Ngành theo NĐ 238/2025/NĐ-CP	Đối tượng miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Số kỳ đã được hưởng chế độ
21	Bùi Minh Thu	19/09/2026	24070303	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	70%	2
22	Cà Thị Xuân Mai	18/02/2005	23070248	Ngôn ngữ Anh	Ngành Nhân văn, khoa học xã hội, khách sạn, du lịch	Dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	70%	2
23	Trần Thị Thu Hường	29/05/2005	24070650	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	70%	2
24	Lê Thị Kiều	12/10/2005	23070803	Kinh doanh quốc tế	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	70%	1
25	Nguyễn Hoàng Phong	05/08/2005	23070018	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	70%	1
26	Trần Quỳnh Trang	29/10/2007	25073055	Quản lý (Liên kết)	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	70%	1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Ngành	Ngành theo ND 238/2025/ND-CP	Đối tượng miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Số kỳ đã được hưởng chế độ
27	Lăng Tiểu Mai	05/08/2007	25070017	Tự động hóa và Tin học	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	70%	0
28	Đoàn Tuấn Minh	31/01/2006	24071416	Kinh doanh quốc tế	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	70%	0
29	Ma Thanh Tùng	29/05/2004	22070904	Tin học và Kỹ thuật máy tính	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	70%	0
30	Chu Đức Duy	25/11/2005	23070122	Ngôn ngữ Anh	Ngành Nhân văn, khoa học xã hội, khách sạn, du lịch	Dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	70%	0
31	Dương Thị Thùy Trâm	19/09/2005	23071191	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	2
32	Vũ Hà Vy	09/04/2006	24071320	Kinh doanh quốc tế	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	2

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Ngành	Ngành theo ND 238/2025/ND-CP	Đối tượng miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Số kỳ đã được hưởng chế độ
33	Nguyễn Trần Hoài Anh	20/03/2006	24070960	Ngôn ngữ Anh	Ngành Nhân văn, khoa học xã hội, khách sạn, du lịch	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	2
34	Lê Vũ Việt Anh	19/09/2006	24070551	Công nghệ thông tin ứng dụng	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	2
35	Lê Thị Minh Hiền	22/05/2004	22070709	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	2
36	Nguyễn Tư Anh Tuấn	29/11/2003	22070660	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	2
37	Lưu Văn Toàn	16/07/2005	23070635	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	2

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Ngành	Ngành theo ND 238/2025/ND-CP	Đối tượng miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Số kỳ đã được hưởng chế độ
38	Lưu Văn Tài	16/07/2005	23070389	Công nghệ thông tin ứng dụng	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	2
39	Phạm Mai Anh	22/11/2005	23070909	Marketing (Song bằng)	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	2
40	Hán Đức Mạnh	20/11/2005	23070969	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	2
41	Nguyễn Thị Ngọc Khuê	17/10/2006	24070727	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	2
42	Khuông Nguyễn Thùy Dương	19/09/2007	25073040	Quản lý (Liên kết)	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Ngành	Ngành theo ND 238/2025/ND-CP	Đối tượng miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Số kỳ đã được hưởng chế độ
43	Nguyễn Đồng Phú	11/02/2007	25070009	Tự động hóa và Tin học	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	1
44	Đỗ Khánh Ly	29/01/2007	25070621	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	1
45	Nguyễn Thị Khánh Lê	03/04/2006	24070298	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	1
46	Nguyễn Huy Lộc	10/12/2007	25070091	Marketing (Song bằng)	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	1
47	Trần Phương Anh	02/07/2006	24310123	Kinh doanh số	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Ngành	Ngành theo ND 238/2025/ND-CP	Đối tượng miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Số kỳ đã được hưởng chế độ
48	Đào Đức Độ	26/06/2005	23070405	Công nghệ thông tin ứng dụng	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	0
II. Đối tượng có thời hạn (xét duyệt hồ sơ bổ sung hàng kỳ)								
49	Châu Thị Mai Lan	12/07/2005	23070480	Kinh doanh quốc tế	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Dân tộc thiểu số hộ nghèo/ cận nghèo	100%	2
50	Trương Thị Nhật Lệ	17/10/2005	24310168	Kinh doanh số	Ngành Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	Dân tộc thiểu số hộ nghèo/ cận nghèo	100%	2
51	Trương Thị Tú Uyên	03/03/2007	25071230	Tin học và Kỹ thuật máy tính	Ngành Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...	Dân tộc thiểu số hộ nghèo/ cận nghèo	100%	1

Ấn định danh sách 51 sinh viên ./.